

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **91/2017/DSST**.
Ngày: 24/5/2017.
V/v tranh chấp hợp đồng vay.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Cao Tuấn**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Thăng**;
2. Ông **Phạm Văn Bé**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thơm** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây;

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2016/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2016 về tranh chấp hợp đồng vay theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2017/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2017/QĐST-DS ngày 26/4/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **UNG THỊ N** – sinh năm 1955 (có mặt);
Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: **LÊ THỊ KIỀU M** – sinh năm 1978 (vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Ung Thị N trình bày: Từ ngày 03/4/2015 âm lịch bà có cho chị Lê Thị Kiều M mượn nhiều lần tiền, đến ngày 23/9/2015 âm lịch đôi bên kết nợ thì chị M nợ bà 214.200.000 đồng, chị M có viết tờ cam kết và hứa mỗi tháng sẽ trả cho bà 1.000.000 đồng nhưng chị M chỉ trả được 2.000.000 đồng thì ngưng.

Nay bà khởi kiện yêu cầu chị Lê Thị Kiều M trả cho bà số tiền còn lại là 212.200.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn chị Lê Thị Kiều M mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ mà các bên đang tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo qui định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét việc chị Lê Thị Kiều M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên hòa giải và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ lần 1, lần 2; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị M vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào Điều 227, 228, 233 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị M.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Ung Thị N, Hội đồng xét xử xét thấy: Từ ngày 03/4/2015 âm lịch đến ngày 23/9/2015 âm lịch bà N có cho chị Lê Thị Kiều M mượn nhiều lần tiền tổng cộng là 214.200.000 đồng và chị M có viết tờ cam kết hứa mỗi tháng trả cho bà N 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ nhưng chị M chỉ trả được 2.000.000 đồng thì ngưng luôn cho đến nay. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà N đã cung cấp cho Tòa án “tờ cam kết” có chữ viết và chữ ký của chị M. Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ kiện, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng chị M vắng mặt không lý do. “Tờ cam kết” do bà N cung cấp có chữ viết và chữ ký của chị M, căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh sự phản đối đó. Trong vụ kiện này bà N đã đưa ra chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là “tờ cam kết” có chữ viết và chữ ký của chị M, nếu chị M không thừa nhận biên nhận nợ trên thì phải có nghĩa vụ chứng minh. Tuy nhiên, trong suốt quá trình tố tụng, chị M cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng, không thể hiện ý chí phản đối biên nhận mà bà N đã cung cấp thì phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó nay bà N khởi kiện yêu cầu chị M trả cho bà số tiền còn lại là 212.200.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi: Bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về thời gian trả: Bà N yêu cầu chị M trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí:

- Buộc chị M phải chịu án phí theo qui định tại khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N nên bà N được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 91, 227, 228, 233 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Áp dụng Điều 471; 474; khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự.
- Áp dụng khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ung Thị N.

Buộc chị Lê Thị Kiều M có trách nhiệm trả cho bà Ung Thị N số tiền 212.200.000 đồng (hai trăm mười hai triệu hai trăm ngàn đồng), trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị M không chịu trả số tiền trên thì chị M còn phải trả lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc chị Lê Thị Kiều M phải chịu 10.610.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn lại cho bà Ung Thị N 2.652.500 đồng tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai số 38325 ngày 09/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- CCTHADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cao Tuấn